

Bản án số: 56/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 30/9/2021.
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải;
2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 30/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2021/TLST - HNGĐ ngày 21/6/2021 về Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2021; theo quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2021/QĐ-HPT ngày 21/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị U – Sinh năm 1979."Có mặt".

Địa chỉ: Đội 15 (bản P C), xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn N – Sinh năm 1976."Vắng mặt".

Địa chỉ: Đội 15 (bản P C), xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 09/6/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Lò Thị U (nguyên đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Tôi và anh Nghiên lấy nhau từ năm 1994 và không đăng ký kết hôn. Hai người chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nghiên nghiện ma túy, sau đó hai người thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô sát nhau, đời sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Hiện tại hai vợ chồng đang sống ly thân đã được ba năm. Vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nghiên.

2. *Về con chung:* Chị Ủa khai chị và anh Nghiên có 02 con chung là: Lò Thị Trang, sinh ngày 18/3/1995 và Lò Thị Yển, sinh ngày 16/5/1998. Các cháu đều đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản:* Tài sản riêng, nợ lấy về: Không có; Tài sản chung, nợ phải trả, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án (bị đơn) anh Lò Văn N trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Tôi và cô Ủa lấy nhau từ năm 1994 không có đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước kia tôi có sử dụng ma túy, hai vợ chồng đã sống ly thân được ba năm. Nay cô Ủa làm đơn xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn vì tôi vẫn còn thương yêu vợ con.

2. *Về con chung:* Anh Nghiên khai hai vợ chồng có 02 con chung: Lò Thị Trang, sinh ngày 18/3/1995 và Lò Thị Yến, sinh ngày 16/5/1998. Các cháu đều đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản:* Tài sản riêng, nợ lấy về: Không có; Tài sản chung, nợ phải trả, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lò Thị U, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp ly hôn.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ủa xin ly hôn với anh Nghiên, anh Nghiên có hộ khẩu thường trú tại xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Ủa và anh Nghiên chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, đến năm 2021 thì chị Ủa khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị U và anh Lò Văn N lấy nhau không đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là không hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Nghiên có sử dụng ma túy dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau và đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Họ hàng hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Ủa và anh Nghiên đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Ủa xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị Ủa vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nghiên. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ủa. Tuy nhiên, từ năm 1994 đến nay mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị Ủa và anh Nghiên vẫn không đăng ký kết hôn, đến ngày 09/6/2021 chị Ủa đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình thì: Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau

như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên áp dụng Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử không công nhận chị Lò Thị U và anh Lò Văn N là vợ chồng.

[5]. Về con chung: Anh Nghiên và chị Ủa có 02 con chung là: Lò Thị Trang, sinh ngày 18/3/1995 và Lò Thị Yến, sinh ngày 16/5/1998. Các cháu đều đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về tài sản: [6.1]. Tài sản riêng, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2]. Tài sản chung, nợ phải trả, diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Ủa phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với bị đơn Lò Văn N không đến Tòa án tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lò Văn N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

- Áp dụng Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1- Tuyên xử: Không công nhận chị Lò Thị U và anh Lò Văn N là vợ chồng.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Ủa và anh Nghiên là không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung vì đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3- Về Tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của chị Lò Thị U và anh Lò Văn N.

4- Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Ủa phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Ủa đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 0004800 ngày 18/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Ủa đã nộp đủ tiền án phí DSST.

5- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã T X, H.ĐB;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Quang Khải

Lường Văn Lương

Nguyễn Thị Tâm

